

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS LÝ THƯỜNG KIẾT
Tổ: NGŨ VĂN, LS&ĐL, GDCD

Họ và tên giáo viên:
Trần Thị Thúy Kiều

CHƯƠNG 1: ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM **Bài 1: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC, CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG**

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp học sinh:

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.
- Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.
- Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.
- Nhận xét được sự phân hóa thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc sách và học liệu tham khảo, chủ động trong làm việc nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận, ...

2.2. Năng lực đặc thù:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hóa đó qua một ví dụ cụ thể. Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư.
- Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế: Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về dân số Việt Nam.
- Khai thác Internet phục vụ môn học: lấy thông tin về văn hóa các dân tộc trên các web
- Tìm hiểu địa lí: vẽ được biểu đồ thể hiện tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta, giai đoạn 1999 — 2021.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: có ý thức bảo vệ các di sản văn hóa, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá của các dân tộc.
- Nhân ái: tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1, Giáo viên

- Bảng nhóm, bút lông.
- Phiếu học tập.
- Hình ảnh các dân tộc Việt Nam

2, Học sinh

- Sách giáo khoa, vở ghi.
- Giấy note làm bài tập trên lớp.
- Atlat Địa lí Việt Nam.
- Giấy A3,4; bút lông màu... để vẽ sơ đồ tư duy

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS ở tiết đầu tiên của môn Địa lí, phát triển năng lực làm việc nhóm.

b) *Nội dung:* HS chơi trò chơi “Siêu trí nhớ”

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV phổ biến luật chơi:

- GV chia lớp thành 6-8 nhóm chơi.
- GV cho HS xem qua về các hình ảnh của các dân tộc Việt Nam, sau đó HS có 2 phút để nghiên cứu về đặc trưng về trang phục của các dân tộc trên hình ảnh.





- *Hết thời gian nghiên cứu GV cho chiếu 5 trong số các dân tộc nêu trên (đã che tên), HS ở dưới ghi chú vào giấy note theo thứ tự từ 1 đến 5*



Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS chơi trò chơi theo sự điều khiển của GV

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ Các nhóm đối đáp án và chấm chéo cho nhau.

+ GV cập nhật đáp án trên màn hình.

+ GV cho HS xem các hình ảnh và giới thiệu: mỗi dân tộc có nét đặc trưng về trang phục, phong tục, tập quán...đây là những nét đặc sắc tạo nên sự đa dạng của văn hóa Việt Nam.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV khen ngợi phần trả lời của HS, đưa ra kết quả của trò chơi

+ Định hướng phương pháp học tập và kỹ thuật làm việc nhóm: cần có sự phân chia công việc cụ thể, kết hợp hài hòa...mới đem lại kết quả cao. Ví dụ một HS không thể nhớ hết trang phục đặc trưng của các dân tộc trong trò chơi nêu trên, nhưng nếu mỗi học sinh ghi nhớ 2-3 hình

ảnh thì sẽ dễ hơn rất nhiều. Trong các tiết học nếu có hoạt động nhóm, các em cần chú ý đoàn kết, phối hợp để cùng hoàn thành hoạt động học tập.

+ Giới thiệu nội dung bài mới, cấu trúc của nội dung bài học môn Địa lí trong chương trình lớp 9 và vào bài 1.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: TÌM HIỂU VỀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

a) Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.
- Đọc được bản đồ phân bố dân tộc Việt Nam.

b) Nội dung: HS làm việc nhóm và cả lớp để tìm hiểu về đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam

Nhiệm vụ 1: 98,5: số dân năm 2021 của Việt Nam; 54: số dân tộc; 85%: tỷ trọng dân tộc Kinh trong tổng số dân; 15%: tỷ trọng các dân tộc thiểu số

Nhiệm vụ 2: nội dung ghi bài

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** hoạt động cả lớp: Giáo viên nêu các con số ở trên bảng: 98,5; 54; 85; 15 yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa và nhanh chóng giơ tay phát biểu xác định các con số ở trên bảng thể hiện chỉ số nào của dân số Việt Nam.

+ **Nhiệm vụ 2:** hoạt động nhóm: Giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ (3/6/9) và giao nhiệm vụ cho học sinh tìm hiểu theo nội dung như sau:

Nhóm 1: Các dân tộc sinh sống rộng khắp trên lãnh thổ Việt Nam

Nhóm 2: Sự phân bố thay đổi theo thời gian và không gian

Nhóm 3: Người Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** Học sinh giơ tay phát biểu

+ **Nhiệm vụ 2:** Các nhóm học sinh làm việc trong thời gian 2 phút

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

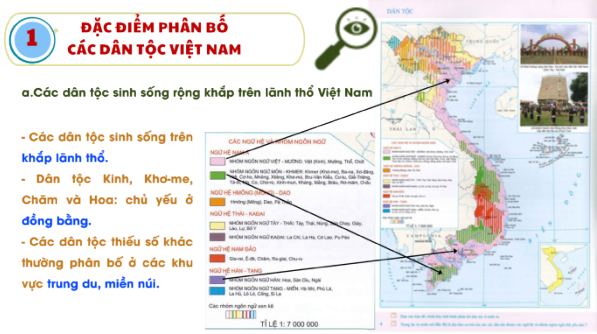
+ **Nhiệm vụ 1:** Các học sinh bổ sung cho nhau, giáo viên yêu cầu sử dụng thiết bị công nghệ (nếu có) để cập nhật dân số của Việt Nam ở thời điểm hiện tại, có thể gợi ý cho các em sử dụng trên web danso.org

+ **Nhiệm vụ 2:** Giáo viên gọi học sinh bất kỳ trong nhóm lên trình bày, các học sinh trong nhóm đó hoặc các nhóm có cùng nội dung bổ sung cho hoàn chỉnh.

+ Các học sinh thuộc nhóm khác thảo luận, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề.

+ Giáo viên cho học sinh khai thác Bản đồ phân bố dân các dân tộc của Việt Nam trong Atlas (Xem phần phụ lục) để thấy rõ được sự phân bố của dân cư cũng như sự đan xen của các dân tộc.

+ Giáo viên mở rộng về sự phân bố dân cư cũng như các dân tộc sinh sống tại địa phương bằng cách quan sát trên Atlas/ bản đồ. Đắk Lắk hiện là tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống nhất - 49 dân tộc.



Bước 4. Kết luận, nhận định:

- + GV chuẩn kiến thức
- + HS ghi bài

Hoạt động 2: TÌM HIỂU VỀ GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ

- Mục tiêu:* HS Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.
- Nội dung:* HS nhận xét bảng số liệu 1.1, 1.2, 1.3
- Sản phẩm:*
 - Câu trả lời của HS.

Nhóm 1) Bảng số liệu 1.1: Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của Việt Nam giai đoạn 1999-2021

- Trong giai đoạn 1999-2021:
 - + Quy mô dân số đông, tăng nhanh (tăng 1,29 lần)
 - + Tỷ lệ gia tăng dân số giảm đi 1,6 lần
- Dân số tăng nhanh nên nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn. Tuy nhiên quy mô dân số lớn nên cũng gây sức ép lên việc làm, xã hội và môi trường.....
- Tỉ lệ gia tăng dân số giảm so với giai đoạn trước đã làm giảm sức ép lên kinh tế xã hội.

Nhóm 2) Bảng số liệu 1.2: Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta giai đoạn 1999-2021

- Trong giai đoạn 1999-2021:
 - + Nhóm tuổi từ 0 đến 14 giảm đi 9%
 - + Nhóm tuổi từ 15 đến 64 tăng lên 6,5%, chiếm tỷ trọng cao nhất.
 - + Nhóm tuổi trên 65 tăng lên 2,5%, chiếm tỷ trọng thấp nhất.
- Cơ cấu dân số trẻ nên có lực lượng lao động dồi dào, sức ép lên vấn đề việc làm.
- Cơ cấu dân số đang có xu hướng già hóa với tốc độ nhanh ảnh hưởng tới nguồn lao động trong tương lai.

Nhóm 3) Bảng số liệu 1.3: Cơ cấu dân số theo giới tính của nước ta giai đoạn 1999-2021

- Trong giai đoạn 1999-2021:
 - + Cơ cấu dân số nam tăng lên 0,6%
 - + Cơ cấu dân số nữ giảm đi 0,6%
 - + Nữ nhiều hơn nam
- Sự chênh lệch giới tính khi sinh ngày càng gay gắt, ảnh hưởng lớn đến xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm, nhóm 1 nhận xét bảng 1.1, nhóm 2 nhận xét bảng 1.2, nhóm 3 nhận xét bảng 1.3 và tỉ số giới tính khi sinh. Đánh giá ảnh hưởng của đặc điểm dân số đó đối với sự phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh nhận xét ra giấy nháp trong thời gian 2 phút.

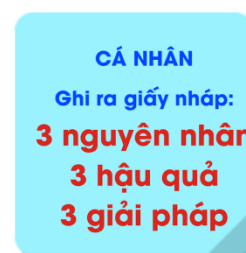
Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ Hết giờ, GV gọi các HS lên bảng trình bày lần lượt từng bảng số liệu để làm rõ từng đơn vị kiến thức.

+ Giáo viên hỏi thêm một số câu hỏi và đơn vị kiến thức để dẫn dắt và giúp học sinh hoàn thành nội dung học tập:

- Dân số của Việt Nam đứng thứ mấy của thế giới là thứ mấy của Đông Nam Á?
- GV cho HS cập nhật dân số hiện nay của Việt Nam trên web danso.org

+ GV cho HS thực hiện kĩ thuật 3x3 trong thời gian 2 phút với vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh



Học sinh thảo luận để tìm hiểu ra nguyên nhân và hậu quả của quá trình mất cân bằng giới tính khi sinh

→ Nguyên nhân của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh:

+ Yếu tố thứ nhất là tâm lý chuộng con trai. Yếu tố này có căn nguyên trực tiếp từ những đòi hỏi của cấu trúc hộ gia đình theo hình thái phụ hệ và sống bên nhà chồng, trong đó phụ nữ và trẻ em gái có vị thế xã hội, kinh tế, và hình ảnh thấp kém hơn, dẫn tới việc họ có ít quyền hạn hơn. An sinh khi về già là một yếu tố bổ sung, vì cha mẹ mong chờ con trai chứ không phải con gái sẽ là chỗ dựa cho mình trong cuộc đời.

+ Yếu tố thứ hai là sự phát triển của công nghệ chẩn đoán trước sinh tạo điều kiện cho cha mẹ biết trước giới tính của thai nhi. Cùng với nạo phá thai, kể cả hợp pháp hay phi pháp, việc xác định giới tính thai có thể dẫn tới việc chấm dứt thai kì. TSGTKS tăng ở một số nước thực tế thường liên quan đến sự phát triển của công nghệ siêu âm thông qua hệ thống y tế tư nhân. Trong tương lai có thể sẽ có những công nghệ mới khiến cho việc lựa chọn giới tính con cái thậm chí còn dễ dàng hơn.

- Ngoài những yếu tố cung cầu trên, yếu tố thứ ba là mức sinh thấp, vì yếu tố này làm tăng nhu cầu lựa chọn giới tính, do giảm xác suất sinh con trai khi quy mô gia đình trở nên nhỏ hơn. Những quy định hạn chế mức sinh của từng nơi và mức sinh giảm nhanh tự phát xuống dưới mức sinh thay thế thường buộc những cha mẹ muốn có con trai song vẫn duy trì quy mô gia đình nhỏ phải dùng đến biện pháp lựa chọn giới tính thai nhi.

Theo https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pubpdf/APRO_mat%20can%20bang%20gi

oi%20khi%20sinh_2013.pdf

Gv cho Hs xem thêm video về dân số già hóa
<https://www.youtube.com/watch?v=fLQEGcaqDis>

Bước 2. Kết luận, nhận định:

- + GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.
- + GV đưa ra kết quả chính xác về phần nhận xét bảng số liệu để HS sửa bài.
- + HS: Lắng nghe, ghi bài.

Hoạt động 3: TÌM HIỂU VỀ PHÂN HÓA THU NHẬP THEO VÙNG

- Mục tiêu:* Trình bày được sự phân hóa thu nhập theo vùng của nước ta.
- Nội dung:* HS làm việc theo kỹ thuật Think - Pair - Share để tìm hiểu về thực trạng và nguyên nhân của vấn đề chênh lệch thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn.
- Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- + GV cho Hs nhận xét BSL Bảng 1.4 . Thu nhập bình quân đầu/tháng (theo giá hiện hành) phân theo vùng ở Việt Nam, giai đoạn 2014-2021
- + Giáo viên đặt vấn đề về cho học sinh xác định thu nhập của khu vực thành thị và nông thôn. Yêu cầu các em lý giải tại sao có sự chênh lệch về thu nhập giữa hai khu vực đó.
- *Think: 1 phút suy nghĩ và ghi ra giấy note*
- *Pair: 1 phút chia sẻ với 1 thành viên bên cạnh*
- *Share: Trình bày thông tin trước lớp*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- + HS làm việc theo tiến độ.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

- + Gv gọi học sinh trình bày.
- + Giáo viên cho học sinh sắp xếp các vùng có thu nhập bình quân đời người theo thứ tự từ cao xuống thấp trong bảng số liệu 1.4 (Đơn vị triệu đồng) (xếp hạng năm 2021, còn năm 2014 thì vị thứ của Tây Nguyên thay đổi).

Vùng	2014	THỨ HẠNG NĂM 2014	2019	THỨ HẠNG NĂM 2019	2021	THỨ HẠNG NĂM 2021
Đông Nam Bộ	4,1	1	6,3	1	5,8	1
Đồng bằng sông Hồng	3,3	2	5,2	2	5	2
Đồng bằng sông Cửu Long	2,3	3	3,9	3	3,7	3
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1,9	5	3,3	4	3,5	4
Tây Nguyên	2	4	3,1	5	2,9	5

Trung du và miền núi Bắc Bộ	1,6	6	2,6	6	2,8	6
-----------------------------	-----	---	-----	---	-----	---

+ Giáo viên nêu vấn đề hiện nay đang có phong trào “Bỏ phố về quê” em nhận định vấn đề trên như thế nào để các em đưa ra suy nghĩ về chất lượng cuộc sống ở khu vực thành thị và nông thôn.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức.

3. LUYỆN TẬP

a) *Mục tiêu:* Kiểm tra, ôn tập lại nội dung đã học, vận dụng kiến thức và thực tiễn để tuyên truyền không lựa chọn giới tính khi sinh.

b) *Nội dung:* HS đặt slogan và chơi trò chơi ghép - nối về các đặc điểm của dân số Việt Nam.

c) *Sản phẩm:*

- Câu trả lời miệng/ trên PHT (phụ lục) của HS.

A	B
98,5 triệu người	Quy mô dân số
54	Số lượng dân tộc
85%	Cơ cấu số lượng dân tộc Kinh
Khơ-me, Chăm và Hoa	Những dân tộc thiểu số sống ở đồng bằng
Giảm	Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên
Tăng	Dân số nam
Trung du, miền núi	Phân bố thưa thớt, đa số dân tộc ít người
Đồng bằng	Mật độ cao
Cơ cấu dân số	Trẻ
Xu hướng biến động của cơ cấu dân số	Già hóa

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Đặt slogan để tuyên truyền về vấn đề: **Không lựa chọn giới tính khi sinh**

Nhiệm vụ 2: Học sinh chơi trò chơi ghép - nối về các đặc điểm của dân số Việt Nam

GV phát cho HS bộ thẻ/ phiếu ghép nối ở phụ lục hoặc cho HS chơi trực tuyến <https://wordwall.net/resource/69809817>

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS chơi trò chơi trong thời gian 2 phút ghép các thẻ ở cột A khớp với các thẻ ở cột B.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV chiếu đáp án/ gọi HS trả lời; các nhóm tự chấm điểm và

thảo luận các câu sai/ không trả lời được

Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

4. VẬN DỤNG

a) *Mục tiêu:* Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta, giai đoạn 1999 — 2021.

b) *Nội dung:* Học sinh về nhà vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta.

c) *Sản phẩm:*

Bài làm của học sinh.



d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên hướng dẫn và cung cấp điện đội mẫu cho các em vẽ, Dạng biểu đồ thích hợp thể hiện tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta là biểu đồ đường.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV cho HS nộp bài vào tiết sau.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN

Tranthur

Trần Thị Thúy Kiều